

Bản án số: 18/2022/DS-ST

Ngày 17-5-2022

V/v tranh chấp Hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ca Kiều Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Nhận

2. Bà Cao Thị Mỹ Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Đẹp – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp Hợp đồng mua bán.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2023/QĐ-ST ngày 29 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Hộ kinh doanh T**

Địa chỉ: Khóm 2, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Huỳnh Xuân Diễm, sinh năm 1988

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Ngọc Th, sinh năm 1995. Địa chỉ: Khóm 2, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Bị đơn: Ông **Lê Hoàng Ch**, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 24, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lê Thị Ngọc Th trình bày:

Từ ngày 25/7/2016, Hộ kinh doanh T và vợ chồng ông Lê Hoàng Ch, Nguyễn Thị B bắt đầu giao dịch mua bán thức ăn nuôi tôm và các loại thuốc thủy sản, các bên thỏa thuận thời hạn trả tiền là khi nào ông Ch và bà B thu hoạch tôm; việc mua bán và thời hạn trả tiền các bên chỉ thỏa thuận miệng, không lập thành văn bản. Trong quá trình giao nhận hàng hóa thì Hộ kinh doanh T có lập sổ theo dõi, các lần giao nhận hàng và xác định số tiền còn nợ thì được ông Ch ký xác nhận.

Quá trình thực hiện thỏa thuận, ông Ch và bà B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, khi thu hoạch tôm không thanh toán dứt điểm công nợ. Do đó, ngày 26/4/2018 Hộ kinh doanh T đã cắt hàng và chấm dứt giao dịch với ông Ch, bà B với số tiền còn nợ là 164.731.000 đồng. Đến ngày 22/6/2018, ông Ch và bà B trả lại các loại Thức thủy sản và thức ăn chưa sử dụng cho Hộ kinh doanh T nên được trừ đi công nợ 10.535.000 đồng có đối chiếu xác nhận công nợ vào ngày 22/6/2018, ông Ch và bà B còn nợ lại số tiền 154.196.000 đồng. Kể từ khi xác nhận công nợ đến nay, Hộ kinh doanh T nhiều lần yêu cầu ông Ch và bà B trả nợ, nhưng ông Ch và bà B vẫn không thanh toán nợ.

Nay Hộ kinh doanh T yêu cầu ông Ch và bà B trả số nợ vốn là 154.196.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 30/6/2018 đến ngày 30/11/2021 là 52.472.898 đồng và tiền lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

Đối với bị đơn ông Lê Hoàng Ch và bà Nguyễn Thị B: Sau khi tiến hành thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Ch và bà B theo quy định của pháp luật, nhưng ông Ch và B không đến Tòa án làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã G phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành của bị đơn chưa đúng pháp luật. Chứng cứ được Th thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử đã xác định đúng quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Ch và bà B trả Hộ kinh doanh T số tiền nợ số nợ vốn là 154.196.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 30/6/2018 đến ngày 30/11/2021 là 52.472.898 đồng và tiền lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hộ kinh doanh T và ông Lê Hoàng Ch, bà Nguyễn Thị B giao dịch mua bán hàng hóa là thuốc và thức ăn nuôi tôm với nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Lê Hoàng Ch và bà Nguyễn Thị B khi tham gia giao dịch mua bán thì có địa chỉ cư trú tại Ấp 24, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu và hiện nay bà B vẫn đang cư trú tại địa chỉ nêu trên. Do đó, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án Thộc Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

[3] Về tố tụng: Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Lê Hoàng Ch và bà Nguyễn Thị B theo quy định của pháp luật, nhưng ông Ch và bà B cố tình trốn tránh nên Tòa án không thể làm việc được với ông Ch và bà B. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Ch và bà B theo quy định tại các Điều 178 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Nguyên đơn căn cứ vào “Sổ theo dõi mua bán” và “Bảng đối chiếu xác nhận công nợ ngày 22/6/2018”, Hộ kinh doanh Tân Quang Minh yêu cầu ông Ch và bà B trả số tiền số tiền nợ vốn là 154.196.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 30/6/2018 đến ngày 30/11/2021 là 52.472.898 đồng và tiền lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

Quá trình giải quyết vụ án, bà B không đồng ý nhận các văn bản tố tụng do Tòa án, còn ông Ch thì vắng mặt tại địa phương. Tuy nhiên, theo Biên bản xác minh và Biên bản sự việc cùng ngày 01/4/2022 thì bà B đang có mặt tại nhà, nhưng bà B không đồng ý trình bày ý kiến, cung cấp lời khai cho Tòa án, bà B có thông báo cho ông Ch biết về việc Hộ kinh doanh T yêu cầu trả nợ nhưng ông Ch không có ý kiến gì, còn bà B cho rằng vợ chồng có nuôi tôm nhưng việc ông Ch mua thức ăn, thuốc thủy sản thiếu thì bà B không biết, không liên quan đến số nợ nêu trên. Như vậy, có cơ sở xác định ông Ch và bà B biết việc Hộ Kinh doanh T yêu cầu ông bà có nghĩa vụ trả nợ mua bán thức ăn nuôi còn nợ lại, nhưng không có ý kiến phản bác, không giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả nợ, ông Ch và bà B cố tình trốn tránh, không hợp tác làm việc.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào “Sổ theo dõi mua bán” và “Bảng đối chiếu xác nhận công nợ ngày 22/6/2018”, có cơ sở xác định Hợp đồng mua bán mua bán giữa Hộ kinh doanh T và ông Lê Hoàng Ch, bà Nguyễn Thị B có xảy ra trên thực tế, việc mua bán hàng hóa được các bên ký xác nhận vào sổ theo dõi và bảng đối chiếu công nợ, tính đến ngày 22/6/2018 ông Ch và bà B còn nợ Hộ kinh doanh T số tiền 154.196.000 đồng. Bà B cho rằng vợ chồng có nuôi tôm nhưng việc ông Ch mua thức ăn và Thúc nợ thì bà không biết, như vậy việc ông Ch và bà B nuôi tôm là có trên thực tế, việc mua thức ăn và thuốc phục vụ sản xuất là phù hợp. Mặc khác, ông Ch và bà B là vợ chồng, việc mua thuốc thức ăn

nuôi tôm là phục vụ kinh tế gia đình nên ông Ch và bà B phải cùng chịu trách nhiệm đối với khoản nợ này. Do đó, Hộ kinh doanh T yêu cầu ông Ch và bà B trả số tiền nợ vốn là 154.196.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu của Hộ kinh doanh T về việc yêu cầu ông Ch và bà B trả số tiền nợ lãi phát sinh từ nợ vốn 154.196.000 đồng từ ngày 30/6/2018 đến ngày 30/11/2021 là 52.472.898 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 09/7/2020, Tòa án nhân dân thị xã G thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán giữa Hộ Kinh Doanh T và ông Ch, bà B. Đối với số nợ nêu trên, đến ngày 11/9/2020 Tòa án nhân dân thị xã G ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án do Hộ kinh doanh T rút yêu cầu khởi kiện. Như vậy, vụ án được đây đã được thụ lý giải quyết như không đạt được mục đích thỏa Thận nên Hộ kinh doanh T khởi kiện lại và được thụ lý giải quyết trong vụ án này. Cho nên yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh T vẫn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự. Do đó, Hộ kinh doanh T yêu cầu ông Ch và bà B trả số tiền nợ lãi phát sinh từ nợ vốn 154.196.000 đồng từ ngày 30/6/2018 đến ngày 30/11/2021 là 52.472.898 đồng và tiền lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án là có căn cứ chấp nhận.

[5] Ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G về việc giải quyết vụ án là phù hợp, có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, ông Ch và bà B có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Buộc ông Ch và bà B phải nộp là 10.333.444 đồng tiền án phí, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G khi án có hiệu lực pháp luật. Hộ kinh doanh T không phải chịu án phí, Hộ kinh doanh T đã nộp số tiền tạm ứng án phí số tiền 4.975.000 đồng theo Biên lai Th số 0003753 ngày 08/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G được hoàn lại toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 178; Điều 228 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Áp dụng các Điều 357, 430, 433, 440 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức Th, miễn, giảm, Th, nộp, quản lý và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh T đối với ông Lê Hoàng Ch và bà Nguyễn Thị B về việc tranh chấp hợp đồng mua bán.

Buộc ông Lê Hoàng Ch và bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ trả cho Hộ kinh doanh T số tiền nợ vốn là 154.196.000 đồng và tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 30/11/2021 là 52.472.898 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên đây, hàng tháng ông Ch và bà B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Ch và bà B phải nộp 10.333.444 đồng tiền án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G khi án có hiệu lực pháp luật. Hộ kinh doanh T không phải chịu án phí, Hộ kinh doanh T đã nộp số tiền tạm ứng án phí số tiền 4.975.000 đồng theo Biên lai Th số 0003753 ngày 08/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G được hoàn lại toàn bộ.

3. Bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

- Nơi nhận:

- + TAND tỉnh Bạc Liêu;
- + VKSND thị xã G;
- + Chi cục THADS huyện G;
- + Các đương sự;
- + Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ca Kiều Nguyệt